TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-ST
Ngày 14-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Khem

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tị xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Đại H**, sinh năm 1973 - Chủ Hộ kinh doanh Trường H. Địa chỉ: khóm N, phường H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1995. Địa chỉ: khóm N, phường H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: 1. Anh **Lâm Thanh N**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

2. Chị **Nguyễn Thị Lan T**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2022 của nguyên đơn ông Trần Đại H, trong quá trình giải quyết vụ án cũng tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/7/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong khoảng thời gian từ 12/6/2021 đến ngày 21/02/2022, ông Trần Đại H - Chủ Hộ kinh doanh Trường H có thỏa thuận bán thức ăn và thuốc thủy sản (thông qua

hợp đồng mua bán) cho vợ chồng anh Lâm Thanh N, chị Nguyễn Thị Lan T. Bên cạnh đó, hai bên giao dịch thông qua sổ giao nhận hàng ghi tên "anh Thanh N".

Theo thỏa thuận, bắt đầu từ ngày 12/6/2021 ông H bán thức ăn và thuốc thủy sản cho vợ chồng anh N và chị T. Hàng hóa nhân viên giao hàng hoặc anh N, bà Thanh hoặc người nhà của anh N, chị T đến cửa hàng lấy tại kho. Sau khi nhận hàng thì tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi ông H yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, vợ chồng anh N, chị T phải thanh toán hết tiền hàng cho ông H. Trường hợp xét thấy công nợ cao hoặc vợ chồng anh N, chị T vi phạm hợp đồng và không thanh toán tiền hàng theo yêu cầu thì ông H có quyền cắt hàng và đề nghị vợ chồng anh N, chị T thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho ông H. Thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt giao dịch.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, ông H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu. Sau khi nhận hàng vợ chồng anh N, chị T cũng không phàn nàn hay khiếu nại về hàng hóa. Mặc dù ông H thực hiện đúng giao dịch, nhưng anh N và chị T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán.

Đến ngày 01/8/2022 thì phía anh N và chị T trả tiền hàng lần cuối là 30.000.000 đồng và không gửi trả lần nào nữa cho đến nay. Mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh N và chị T trả tiền hàng còn nợ nhưng vợ chồng anh N, chị T vẫn không thanh toán. Tính đến thời điểm hiện nay, vợ chồng anh N, chị T còn nợ lại ông H số tiền là: 145.436.000 đồng. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc vợ chồng anh Lâm Thanh N, chị Nguyễn Thị Lan T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Đại H - Chủ hộ kinh doanh Trường Hải số tiền nợ là 145.436.000 đồng và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm/145.436.000 đồng tính từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết nợ cho ông H.

Tại phiên họp và phiên hòa giải ngày 16/6/2023, bị đơn anh Lâm Thanh N trình bày:

Vào năm 2021, vợ chồng anh có thỏa thuận và mua thức ăn, thuốc thủy sản của ông Trần Đại H - Chủ Hộ kinh doanh Trường H. Về giao nhận hàng hóa, phương thức thanh toán là đúng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên. Trong quá trình anh mua thức ăn và thuốc thủy sản thì phía bên ông H có cho ký nhận sổ và ký đối chiếu công nợ và trong quá trình nuôi tôm thì vợ chồng anh cũng có trả vài lần cho ông H. Tính đến thời điểm hiện nay ngày 16.6.2023 vợ chồng anh còn nợ ông H số tiền là 145.436.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn và nuôi tôm luôn bị thất mùa, hiện nay anh cũng không có đủ vốn để tiếp tục nuôi tôm sú nên vợ chồng anh chưa có tiền thanh toán cho ông H. Cho nên vợ chồng anh xin đến cuối năm 2023 sẽ thanh toán cho ông H số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại sang tháng 6/2024 vợ chồng anh tiếp tục trả cho ông H 15.000.000 đồng, đến tháng 12/2024 vợ chồng anh tiếp tục trả cho ông H thêm 15.000.000 đồng, những năm tiếp theo cứ 06 tháng trả 15.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ cho ông H.

Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn không đồng ý theo phương án của bị đơn anh N đưa ra và yêu cầu vợ chồng anh N, chị T liên đới thanh toán dứt điểm khoản nợ trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn vợ chồng anh Lâm Thanh N, chị Nguyễn Thị Lan T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào đơn khởi kiện, đơn xin xét xử vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có địa chỉ tại ấp A, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn vợ chồng anh Lâm Thanh N, chị Nguyễn Thị Lan T tại phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh N, chị T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 02/2022, nguyên đơn ông Trần Đại H - Chủ Hộ kinh doanh Trường H có thỏa thuận bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho bị đơn vợ chồng anh Lâm Thanh N, chị Nguyễn Thị Lan T, việc hai bên mua bán lập hợp đồng và có ký tên vào sổ giao nhận hàng. Khi kết toán lại, vợ chồng anh N, chị T còn nợ ông H số tiền 145.436.000 đồng. Tại phiên hòa giải ngày 16/6/2023, anh Lâm Thanh N thừa nhận vợ chồng anh còn nợ đối với ông H số tiền nêu trên. Do đó, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 03/7/2022, vợ chồng anh Lâm Thanh N, chị Nguyễn Thị Lan T còn nợ ông Trần Đại H số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 145.436.000 đồng. Sau thời điểm nêu trên, ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh N, chị T thanh toán nợ nhưng đến nay anh N, chị T vẫn chưa thanh toán cho ông H là vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với hợp đồng mua bán theo

quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [4] và [5], Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông Trần Đại H - Chủ Hộ kinh doanh Trường H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng anh Lâm Thanh N, chị Nguyễn Thị Lan T liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu 145.436.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và cần buộc vợ chồng anh N, chị T liên đới thanh toán số tiền nêu trên cho ông H là đúng với quy định của pháp luật.

[7] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bị đơn vợ chồng anh Lâm Thanh N, chị Nguyễn Thị Lan T phải liên đới trả lãi suất cho ông H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng anh N, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Trường Hải, về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng anh Lâm Thanh N, chị Nguyễn Thị Lan T liên đới trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu là 145.436.000 đồng.

Buộc bị đơn vợ chồng anh Lâm Thanh N, chị Nguyễn Thị Lan T liên đới thanh toán số tiền 145.436.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn đồng*) cho ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Trường H.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Đại H - Hộ kinh doanh Trường Hcó đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng anh Lâm Thanh N, chị Nguyễn Thị Lan T phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn vợ chồng anh Lâm Thanh N, chị Nguyễn Thị Lan T phải liên đới chịu số tiền 7.271.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Trần Đại H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.636.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006013 ngày 28/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đặng Văn Đua